

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực nông nghiệp, khuyến nông thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Căn cứ Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Căn cứ Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực nông nghiệp, khuyến nông thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Bãi bỏ các nội dung đã công bố và nội dung cụ thể của thủ tục hành chính Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao tại số thứ tự 1 mục B Phần I và số thứ tự 1 mục B phần II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ, nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Bãi bỏ các nội dung đã công bố và nội dung cụ thể của thủ tục hành chính Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại số thứ tự 3 mục B Phần I và số thứ tự 3 mục B phần II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ, nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Bãi bỏ số thứ tự 1 và số thứ tự 3 mục VI Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 379/QĐ-BNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

4. Bãi bỏ các nội dung đã công bố tại số thứ tự 12 và 14 mục A, số thứ tự 1 và 3 mục B phần I và nội dung cụ thể của các thủ tục hành chính này tại phần II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ, nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Vụ, Cục, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ NNMT: các Thứ trưởng; Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ, Cổng thông tin điện tử Bộ;
- Báo Nông nghiệp và Môi trường;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Trung

Phụ lục**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, KHUYẾN NÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
1	1.003388	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	- Số thứ tự 359 Phụ lục I Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; - Phụ lục I.5 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ.	Nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
2	1.003371	Cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Phụ lục I.5 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ.	Nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
3	1.011647	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Phụ lục I.5 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ.	Nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

2. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực khuyến nông thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG				
1	1.003496	Nghiệm thu kết quả hàng năm dự án khuyến nông cấp Trung ương	Phụ lục XI, Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026	Khuyến nông	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Trung tâm Khuyến nông Quốc gia)
2	1.003480	Phê duyệt nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên	Phụ lục XI, Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026	Khuyến nông	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Vụ khoa học và Công nghệ)
3		Điều chỉnh nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên	Phụ lục XI, Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026	Khuyến nông	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, KHUYẾN NÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, quyết định thành lập Tổ Thẩm định hồ sơ công nhận doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao (sau đây gọi tắt là Tổ Thẩm định) đối với các hồ sơ hợp lệ hoặc có văn bản thông báo cho doanh nghiệp về việc hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; thời gian doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định. Thành phần Tổ Thẩm định có từ 07 đến 09 thành viên, gồm: Tổ trưởng là đại diện lãnh đạo và 01 thư ký là chuyên viên thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; các thành viên khác gồm đại diện các Sở: Tài chính, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ; ngoài ra có thể mời thêm một số chuyên gia có liên quan;

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi có quyết định thành lập, Tổ Thẩm định tiến hành họp thẩm định hồ sơ khi có ít nhất hai phần ba số thành viên có mặt. Tổ Thẩm định có trách nhiệm đánh giá hồ sơ do doanh nghiệp lập về tính đầy đủ, chính xác, đáp ứng các điều kiện theo quy định; lập biên bản họp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Bước 4: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày họp, trên cơ sở kết quả họp Tổ Thẩm định, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Bước 5: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả tổng hợp từ Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quyết định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và gửi cho doanh nghiệp, trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

Cách thức thực hiện:

- Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
- Dịch vụ bưu chính
- Trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg;

- Bản thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng đủ các tiêu chí quy định tại Điều 2 của Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg; bản sao hoặc bản sao điện tử các minh chứng cho các nội dung thuyết minh gồm: báo cáo Tài chính của doanh nghiệp 02 năm liền kề trước khi đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao; các hợp đồng nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, mua vật tư thiết bị phục vụ đổi mới công nghệ, sản phẩm... của doanh nghiệp; hợp đồng lao động, bằng cấp của lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên đang trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển tại doanh nghiệp; Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn còn hiệu lực của sản phẩm, hàng hóa do doanh nghiệp sản xuất; văn bản minh chứng về bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền cấp.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo mẫu 03 quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018.

Phí, lệ phí: Không quy định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg;

- Bản thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng đủ các tiêu chí quy định tại Điều 2 của Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg;

- Mẫu Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân ...(tỉnh, thành phố...)..... xem xét và cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao lĩnh vực.... (ghi rõ lĩnh vực cụ thể đề nghị công nhận)...

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THUYẾT MINH
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN DOANH NGHIỆP
NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên doanh nghiệp:
- Tên viết tắt (nếu có):
- Tên giao dịch: Bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
2. Trụ sở chính:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:Fax:
3. Đại diện doanh nghiệp:
- Họ và tên:chức vụgiới tính
- Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số:.....
do..... cấp ngàythángnăm
- Hộ khẩu thường trú hoặc nơi thường trú (đối với người nước ngoài):
4. Lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (số..... nơi cấp....., ngàytháng..... năm.....).
- Tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp và những văn bản liên quan kèm theo.
5. Tổ chức bộ máy của doanh nghiệp

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, GIAI ĐOẠN 20.. - 20...

(Nêu những hoạt động của doanh nghiệp đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/04/2018, cần tập trung vào đánh giá kết quả hoạt động công nghệ cao trong 5 năm kể từ khi được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao)

1. Lĩnh vực công nghệ cao trong nông nghiệp đã ứng dụng, loại sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

(Liệt kê những lĩnh vực công nghệ cao (Công nghệ tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, các quy trình công nghệ tiên tiến...) mà doanh nghiệp đã ứng dụng, loại sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã sản xuất, kèm theo các minh chứng).

2. Hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm nông nghiệp (Nêu những nhiệm vụ nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ để sản xuất sản

phẩm nông nghiệp: Tên đề tài, dự án các cấp (kể cả dự án cấp cơ sở do doanh nghiệp đầu tư kinh phí), kết quả đạt được, kinh phí, kèm theo các văn bản minh chứng).

3. Kết quả hoạt động sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

(Nêu cụ thể kết quả sản xuất các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kèm theo các minh chứng).

4. Về việc áp dụng biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng và quản lý chất lượng.

(Nêu tóm tắt các biện pháp thân thiện với môi trường, biện pháp tiết kiệm năng lượng và quản lý chất lượng, kèm theo các minh chứng).

5. Chi phí cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp

(Nêu tổng chi phí chi cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp, so sánh với tổng doanh thu hàng năm).

6. Nhân lực của doanh nghiệp

(Nêu số lao động của doanh nghiệp có trình độ từ đại học trở lên thực hiện nghiên cứu và phát triển, so sánh với tổng số lao động ký hợp đồng làm việc dài hạn của đơn vị, kèm theo minh chứng).

7. Các hoạt động khác (nếu có).

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, GIAI ĐOẠN 20...-20...

(Nêu tóm tắt phương hướng và những hoạt động của doanh nghiệp trong 05 năm tới liên quan đến hoạt động, nghiên cứu, trình diễn, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp và sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của doanh nghiệp).

IV. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Tự đánh giá

(Doanh nghiệp tự đánh giá đã đáp ứng đủ tiêu chí để công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hay chưa).

2. Đề nghị

(Nêu những đề nghị về việc xem xét công nhận và những đề nghị khác - nếu có)

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC KÈM THEO THUYẾT MINH

Các văn bản, minh chứng liên quan đến các nội dung kê khai của Thuyết minh gồm có:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ... (Tên tỉnh, thành phố...)

**GIẤY CHỨNG NHẬN
DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO**

1. Tên doanh nghiệp:
2. Tên viết tắt:
3. Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
4. Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số:ngàytháng ...năm ...
6. Lĩnh vực hoạt động ứng dụng công nghệ cao:.....

Là doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

(theo Quyết định số ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

Số GCN:

....., ngày..... tháng...năm....

Có hiệu lực đến ngày... tháng... năm.....

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Quyết định số:/QĐ-BNN

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến
ngày.... thángnăm.....

2. Cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước thời hạn Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hết hiệu lực 45 ngày, doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, quyết định thành lập Tổ Thẩm định hồ sơ công nhận doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao (sau đây gọi tắt là Tổ Thẩm định) đối với các hồ sơ hợp lệ hoặc có văn bản thông báo cho doanh nghiệp về việc hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; thời gian doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định. Thành phần Tổ Thẩm định có từ 07 đến 09 thành viên, gồm: Tổ trưởng là đại diện lãnh đạo và 01 thư ký là chuyên viên thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; các thành viên khác gồm đại diện các Sở: Tài chính, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ; ngoài ra có thể mời thêm một số chuyên gia có liên quan;

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi có quyết định thành lập, Tổ Thẩm định tiến hành họp thẩm định hồ sơ khi có ít nhất hai phần ba số thành viên có mặt. Tổ Thẩm định có trách nhiệm đánh giá hồ sơ do doanh nghiệp lập về tính đầy đủ, chính xác, đáp ứng các điều kiện theo quy định; lập biên bản họp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Bước 4: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày họp, trên cơ sở kết quả họp Tổ Thẩm định, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Bước 5: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả tổng hợp từ Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quyết định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và gửi cho doanh nghiệp, trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

- Đối với Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao bị mất hoặc bị hư hỏng trong thời gian còn hiệu lực nhưng không thuộc trường hợp quy định tại điểm II.1 Phụ lục I.5 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP, doanh nghiệp gửi văn bản đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp lại Giấy chứng nhận cho doanh nghiệp. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị của doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và gửi cho doanh nghiệp.

Cách thức thực hiện:

- Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

- Dịch vụ bưu chính
- Trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg;

- Bản thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng đủ các tiêu chí quy định tại Điều 2 của Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg; bản sao hoặc bản sao điện tử các minh chứng cho các nội dung thuyết minh gồm: báo cáo Tài chính của doanh nghiệp 02 năm liền kề trước khi đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao; các hợp đồng nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, mua vật tư thiết bị phục vụ đổi mới công nghệ, sản phẩm... của doanh nghiệp; hợp đồng lao động, bằng cấp của lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên đang trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển tại doanh nghiệp; Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn còn hiệu lực của sản phẩm, hàng hóa do doanh nghiệp sản xuất; văn bản minh chứng về bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền cấp.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo mẫu 03 quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018.

Phí, lệ phí: Không.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg;

- Bản thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng đủ các tiêu chí quy định tại Điều 2 của Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg;

- Mẫu Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

.....(tên Doanh nghiệp) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

V/v đề nghị công nhận doanh nghiệp nông
 nghiệp ứng dụng công nghệ cao

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân...(tỉnh, thành phố...).....

Căn cứ Quyết định số .../2018/QĐ-TTg ngày... tháng... năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,(tên Doanh nghiệp)... xin gửi tới Ủy ban nhân dân ...(tỉnh, thành phố...)..... Hồ sơ đề nghị xem xét công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cụ thể như sau:

1. Tên doanh nghiệp:
- Tên viết tắt (nếu có):
- Tên giao dịch: Bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
2. Trụ sở chính:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:Fax:
3. Đại diện doanh nghiệp:
- Họ và tên:chức vụgiới tính
- Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số:.....
do..... cấp ngàythángnăm
- Hộ khẩu thường trú hoặc nơi thường trú (đối với người nước ngoài):
4. Hồ sơ kèm theo gồm:
 - Bản Thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định số/2018/QĐ-TTg ngày... tháng... năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
5. Phần cam đoan:

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin trên đây là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai trong đơn đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nếu được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chúng tôi xin cam kết hoạt động đúng theo quy định của pháp luật, đúng nội dung đề nghị và chịu trách nhiệm về mọi hành vi của đơn vị trước pháp luật.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân ...(tỉnh, thành phố...)..... xem xét và cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao lĩnh vực.... (ghi rõ lĩnh vực cụ thể đề nghị công nhận)...

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THUYẾT MINH
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN DOANH NGHIỆP
NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên doanh nghiệp:
- Tên viết tắt (nếu có):
- Tên giao dịch: Bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
2. Trụ sở chính:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:Fax:
3. Đại diện doanh nghiệp:
- Họ và tên:chức vụgiới tính
- Căn cước công dân/Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số:.....
do..... cấp ngàythángnăm
- Hộ khẩu thường trú hoặc nơi thường trú (đối với người nước ngoài):
4. Lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (số..... nơi cấp....., ngàytháng..... năm.....).
- Tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp và những văn bản liên quan kèm theo.
5. Tổ chức bộ máy của doanh nghiệp

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, GIAI ĐOẠN 20.. - 20...

(Nêu những hoạt động của doanh nghiệp đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/04/2018, cần tập trung vào đánh giá kết quả hoạt động công nghệ cao trong 5 năm kể từ khi được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao)

1. Lĩnh vực công nghệ cao trong nông nghiệp đã ứng dụng, loại sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

(Liệt kê những lĩnh vực công nghệ cao (Công nghệ tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, các quy trình công nghệ tiên tiến...) mà doanh nghiệp đã ứng dụng, loại sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã sản xuất, kèm theo các minh chứng).

2. Hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm nông nghiệp (Nêu những nhiệm vụ nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ để sản xuất sản

phẩm nông nghiệp: Tên đề tài, dự án các cấp (kể cả dự án cấp cơ sở do doanh nghiệp đầu tư kinh phí), kết quả đạt được, kinh phí, kèm theo các văn bản minh chứng).

3. Kết quả hoạt động sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

(Nêu cụ thể kết quả sản xuất các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kèm theo các minh chứng).

4. Về việc áp dụng biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng và quản lý chất lượng.

(Nêu tóm tắt các biện pháp thân thiện với môi trường, biện pháp tiết kiệm năng lượng và quản lý chất lượng, kèm theo các minh chứng).

5. Chi phí cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp

(Nêu tổng chi phí chi cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp, so sánh với tổng doanh thu hàng năm).

6. Nhân lực của doanh nghiệp

(Nêu số lao động của doanh nghiệp có trình độ từ đại học trở lên thực hiện nghiên cứu và phát triển, so sánh với tổng số lao động ký hợp đồng làm việc dài hạn của đơn vị, kèm theo minh chứng).

7. Các hoạt động khác (nếu có).

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, GIAI ĐOẠN 20..-20..

(Nêu tóm tắt phương hướng và những hoạt động của doanh nghiệp trong 05 năm tới liên quan đến hoạt động, nghiên cứu, trình diễn, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp và sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của doanh nghiệp).

IV. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Tự đánh giá

(Doanh nghiệp tự đánh giá đã đáp ứng đủ tiêu chí để công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hay chưa).

2. Đề nghị

(Nêu những đề nghị về việc xem xét công nhận và những đề nghị khác - nếu có)

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC KÈM THEO THUYẾT MINH

Các văn bản, minh chứng liên quan đến các nội dung kê khai của Thuyết minh gồm có:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ... (Tên tỉnh, thành phố...)

**GIẤY CHỨNG NHẬN
DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO**

1. Tên doanh nghiệp:
2. Tên viết tắt:
3. Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
4. Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số:ngàytháng ...năm ...
6. Lĩnh vực hoạt động ứng dụng công nghệ cao:.....

Là doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

(theo Quyết định số ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

Số GCN:

....., ngày..... tháng...năm....

Có hiệu lực đến ngày... tháng... năm.....

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Quyết định số:/QĐ-BNN

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến
ngày.... thángnăm.....

3. Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức đầu mối của vùng lập 01 bộ hồ sơ đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra và thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Thời gian bổ sung, sửa đổi hồ sơ là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo.

- Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Trường hợp từ chối công nhận thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đề nghị công nhận.

Cách thức thực hiện:

- Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;
- Dịch vụ bưu chính;
- Trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I.5 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ;

b) Bản thuyết minh vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 2 Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I.5 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Phí, lệ phí: Không quy định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

a) Đơn đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I.5 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ;

b) Bản thuyết minh vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 2 Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I.5 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố...

Căn cứ quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến sản xuất, kinh doanh, (*tên Doanh nghiệp...*) đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố... xem xét công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cụ thể như sau:

1. Tên Doanh nghiệp/Tổ chức đại diện:.....

- Tên viết tắt (nếu có):

- Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Địa chỉ:

- Số điện thoại:..... Fax:

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

.....

2. Tên vùng sản xuất nông nghiệp đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

- Số lượng tổ chức thuộc vùng:.....

3. Hồ sơ kèm theo gồm:

Bản Thuyết minh vùng sản xuất nông nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện khác theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

4. Phần cam đoan:

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin trên đây là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai trong đơn đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nếu được Chứng nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chúng tôi xin cam kết hoạt động đúng theo quy định của pháp luật, đúng nội dung đề nghị và chịu trách nhiệm về mọi hành vi của mình trước pháp luật.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố... xem xét và chứng nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (*tên vùng.....*)/.

TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN
(*Họ tên, chữ ký, đóng dấu*)

THUYẾT MINH

VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đề nghị công nhận

- Tên Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đề nghị công nhận:
 - Tên viết tắt (nếu có):
 - Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
 - Địa chỉ:
 - Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp:
 - Số lượng tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh thuộc vùng:.....
- (Thông tin cụ thể từng Tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh thuộc vùng tại Phụ lục kèm theo)

2. Tên tổ chức đại diện:

- Tên viết tắt (nếu có):
- Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở:
- Số điện thoại: Fax:
- Đại diện doanh nghiệp: (Họ và tên)....., chức vụ.....
- Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp: *(Nêu tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp)*
- Giấy phép đăng ký kinh doanh số:, ngày cấp:....., Cơ quan cấp:

3. Tên tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh 2:

- Tên viết tắt (nếu có):
- Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở:
- Số điện thoại: Fax:
- Đại diện doanh nghiệp: (Họ và tên)....., chức vụ.....
- Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp: *(Nêu tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp)*
- Giấy phép đăng ký kinh doanh số:, ngày cấp:....., Cơ quan cấp:

4. Tên tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh 3:

.....

.....

II. THUYẾT MINH SỰ ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 2 QUYẾT ĐỊNH SỐ 66/2015/QĐ-TTg

1. Thuyết minh về phương thức tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm liên kết theo chuỗi giá trị trong vùng, với các tổ chức đầu mối của vùng là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong vùng ký hợp đồng thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp của vùng

(thuyết minh và đưa ra minh chứng sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong vùng).

2. Thuyết minh về sản phẩm sản xuất trong vùng

(thuyết minh về các giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao và khả năng chống chịu vượt trội/Sản phẩm nông lâm thủy sản có giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế cao, chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, khu vực hoặc quốc gia (Viet GAP) kèm theo các minh chứng).

3. Công nghệ ứng dụng trong vùng

(nêu và mô tả các công nghệ ứng dụng trong sản xuất tại vùng, quy mô ứng dụng, tính tiên tiến của công nghệ, hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ trong việc nâng cao giá trị sản phẩm, tăng năng suất lao động kèm theo các minh chứng).

4. Thuyết minh về sự phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất nông nghiệp của ngành và địa phương, tính chuyên canh của vùng sản xuất hàng hóa, tính liên vùng, liên thửa, điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng kỹ thuật về giao thông, thủy lợi hiện tại của vùng

(thuyết minh và đưa ra các văn bản, giấy tờ để minh chứng cho việc đáp ứng tiêu chí này).

5. Thuyết minh về quy mô vùng

(nêu rõ đối tượng sản xuất và quy mô sản xuất về diện tích đối với các sản phẩm trồng trọt và nuôi thủy sản; số lượng đầu con đối với sản phẩm chăn nuôi).

III. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Tự đánh giá

(Tự đánh giá đã đáp ứng đủ các tiêu chí quy định tại Điều 2 Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hay chưa).

2. Đề nghị

(Nêu những đề nghị về việc xem xét công nhận).

TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)